

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 – CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2026/HNGĐ-ST

Ngày 02/02/2026

*“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nông Văn Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà: Nông Diệu Huế.

2. Bà: Nguyễn Thị Minh Tâm.

- Thư ký phiên toà: Bà Lục Thanh Hương - Thư ký viên Toà án nhân dân khu vực 3 - Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Cao Bằng tham gia phiên toà: Bà Nông Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 02 năm 2026, tại Trụ sở Toà án nhân dân khu vực 3 - Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 59/2025/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2025 về việc: *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2026/QĐXXHNGĐ-ST ngày 20/01/2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị Lý Thị T, sinh năm 1995; nơi thường trú: xóm Pác Gọn, xã Đình Phong, tỉnh Cao Bằng – vắng mặt, có đơn xét xử vắng mặt.

Bị đơn: anh Nông Văn K, sinh năm 1996; nơi thường trú: xóm Long Giang, xã Đàm Thủy, tỉnh Cao Bằng – vắng mặt, có đơn xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25/11/2025 và các lời khai tại Tòa, nguyên đơn chị Trang trình bày: Chị đăng ký kết hôn với anh Nông Văn K vào ngày 28/3/2017 tại Ủy ban nhân dân xã Đàm Thủy, tỉnh Cao Bằng, việc đăng ký do hai bên tự nguyện thực hiện. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc. Tuy nhiên, thời gian sau anh chị phát sinh mâu thuẫn do có sự khác nhau trong quan điểm sống, anh K nghiện ma túy, nghiện rượu không quan tâm đến vợ con, dần dần tình cảm vợ chồng đi xuống. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2022 đến nay. Hiện nay, chị T xác định đã không còn tình cảm, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân

không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với anh Nông Văn K. Về con chung, có 01 cháu tên là Nông Hữu T, sinh ngày 28/10/2017, hiện cháu đang sống chung với mẹ, sau khi ly hôn, chị đề nghị được nuôi con chung đến khi thành niên và yêu cầu anh K phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị mỗi tháng 1.000.000 đồng đến khi con chung thành niên. Về tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình hòa giải do Tòa án triệu tập anh K cố tình trốn tránh không hợp tác, đến ngày 15/01/2026, Tòa án tiến hành lấy lời khai của anh K tại nhà riêng của anh K thể hiện quan điểm xác nhận các vấn đề về tình cảm, con cái, tài sản chung, nợ chung như chị T đã trình bày là đúng. Anh K xác nhận hai vợ chồng có mâu thuẫn, không có tiếng nói chung. Vì vậy anh nhất trí ly hôn theo yêu cầu của chị T cùng nguyện vọng nuôi con chung và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung của chị. Đồng thời anh K có đơn xin Tòa án xét xử vắng mặt anh.

Do anh K không có mặt nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải để các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa thông qua tóm tắt nội dung, công bố tài liệu, chứng cứ và các yêu cầu cần giải quyết của vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký trong quá trình giải quyết vụ án và nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân theo và chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự.

Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 trong giai đoạn hòa giải.

Về hướng giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35 BLTTDS năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2025; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 228; Điều 238, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, 53, Khoản 1 Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Lý Thị T được ly hôn với anh Nông Văn K.

- Về con chung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Giao 01 cháu tên là Nông Hữu T, sinh ngày 28/10/2017 cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc có Bản án/Quyết định khác thay thế. Anh K phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng/1 tháng đến khi con chung thành niên. Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con anh K có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con, cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết;
- Về án phí: Chị T, anh K phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.
- Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. *Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp*: Bị đơn Nông Văn K có hộ khẩu thường trú tại: Xóm Long Giang, xã Đàm Thủy, tỉnh Cao Bằng. Vì vậy, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 BLTTDS năm 2015 được sửa đổi, bổ sung theo khoản 2 Điều 1 Luật số 85 ngày 25/6/2025 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cao Bằng. Căn cứ yêu cầu khởi kiện Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp cần giải quyết là ly hôn, tranh chấp về quyền nuôi con khi ly hôn theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. *Về tố tụng*: Các đương sự có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy Tòa án đã triệu tập bị đơn để lấy lời khai và hòa giải theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, anh K biết nhưng cố tình trốn tránh không hợp tác, không đến Tòa án để giải quyết vụ án. Tuy nhiên các đương sự xin xét xử vắng mặt và đã có lời khai trong quá trình giải quyết vụ án. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3]. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Lý Thị T và anh Nông Văn K đăng ký kết hôn vào ngày 28/3/2017 tại Ủy ban nhân dân xã Đàm Thủy, tỉnh Cao Bằng. Tại thời điểm đăng ký cả anh K, chị T đều có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, tự nguyện và đủ tuổi kết hôn, cũng như không thuộc một trong các trường hợp cấm theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Luật hôn nhân và gia đình 2014. Việc đăng ký là hoàn toàn tự nguyện, đúng theo trình tự, thủ tục pháp luật quy định tại Điều 8, 9 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Như vậy, việc kết hôn giữa chị Trang và anh K là hợp pháp và quan hệ vợ chồng được pháp luật công nhận từ ngày đi đăng ký kết hôn.

Thời gian đầu vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc và có với nhau một con chung, nhưng sau đó giữa hai vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do tính cách, lối sống không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong xử lý các vấn đề, dẫn tới đời sống hôn nhân không được hạnh phúc như mong muốn. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2022 đến nay, trong thời gian ly thân hai bên cũng không có hành động nhằm cứu vãn cuộc hôn nhân đang này, từ lâu hai người đã không còn quan tâm đến nhau, không có trách nhiệm với nhau trên phương diện người chồng, người vợ, người cha trong gia đình. Ngoài ra tại bản tự khai của mình, anh K cũng xác nhận giữa hai vợ chồng có mâu thuẫn không thể hàn gắn và nhất trí ly hôn theo yêu cầu của chị T. Từ những phân tích và nhận định trên đây, xét thấy cuộc sống vợ chồng chị T và anh K không thể hàn gắn lại được, gia đình không còn hạnh phúc, tình trạng hôn nhân của anh chị đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy yêu cầu xin ly hôn của chị T và ý

kiến của Kiểm sát viên là có căn cứ nên cần được chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[4]. *Về con chung và cấp dưỡng nuôi con*: Giữa chị T và anh K có một con chung là Nông Hữu Tấn, sinh ngày 28/10/2017, hiện cháu đang sống chung với mẹ, sau khi ly hôn, chị T đề nghị được nuôi con chung và yêu cầu anh K phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị mỗi tháng 1.000.000 đồng đến khi con chung thành niên. Tại biên bản ghi nhận ý kiến của con chung chưa thành niên từ đủ 7 tuổi trở lên ngày 19/01/2026, cháu T thể hiện mong muốn sống cùng mẹ nếu bố mẹ ly hôn. Ngoài ra anh K cũng nhất trí để chị T nuôi con khi ly hôn và nhất trí với mức yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung của chị T. Xét thấy việc thỏa thuận này của các đương sự là tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên được chấp nhận. Vì vậy, việc giao cháu Tấn cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định của pháp luật. Vì quyền lợi của con, khi có căn cứ, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Chị T yêu cầu anh K phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T mỗi tháng 1.000.000 đồng đến khi cháu Tấn thành niên, anh K cũng chấp nhận với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị T. Xét thấy việc thỏa thuận này của các đương sự là tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên được chấp nhận. Về phương thức cấp dưỡng do anh K không có khả năng cấp dưỡng một lần nên Hội đồng xét xử quyết định cấp dưỡng theo tháng, thời điểm tính từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật.

[5]. *Về tài sản chung, nợ chung*: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. *Về án phí*: Áp dụng điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị T phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm, anh K phải chịu 300.000đ tiền án phí cấp dưỡng để sung ngân sách Nhà nước. Xác nhận chị T đã nộp đủ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35 BLTTDS năm 2015 được sửa đổi, bổ sung theo khoản 2 Điều 1 Luật số 85 ngày 25/6/2025; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 228; Các Điều 238, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 53, Khoản 1 Điều 56, Điều 57, 81, 82, 83, 84, 110, 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Lý Thị T được ly hôn với anh Nông Văn K.

2. *Về con chung*: Giao cháu tên là Nông Hữu Tấn, sinh ngày 28/10/2017 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên (hoặc đến khi có Bản án, Quyết định khác của Tòa án thay thế). Anh K phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng đến khi cháu Tấn thành niên (hoặc đến khi có Bản án, Quyết định khác của Tòa án thay thế), phương thức cấp dưỡng theo tháng, thời điểm từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật.

Sau khi ly hôn, anh K có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được phép cản trở. Vì quyền lợi của con, khi có căn cứ, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật

3. *Về tài sản chung, nợ chung*: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. *Về án phí*: Chị T phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm, anh K phải chịu 300.000đ tiền án phí cấp dưỡng nuôi con để sung ngân sách Nhà nước. Xác nhận chị T đã nộp đủ 300.000đ tại biên lai thu nộp án phí, lệ phí Tòa án số 0000324 ngày 26/11/2025 tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 - Cao Bằng.

5. *Về quyền kháng cáo*: Chị T, anh K có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKS khu vực 3;
- Phòng THADS khu vực 3;
- UBND xã Đàm Thủy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nông Văn Tùng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nông Diệu Huế Nguyễn Thị Minh Tâm

Nông Văn Tùng